

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích
công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền của quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đối với các phương tiện sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn bao gồm: phương tiện vận tải chở hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đi vào cửa khẩu; phương tiện vận tải chở hàng hoá nhập khẩu sử dụng hạ tầng cửa khẩu đi vào nội địa giao hàng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nộp phí: Các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh, dịch vụ có phương tiện vận tải chở hàng hoá ra, vào khu vực cửa khẩu sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu.

2. Tổ chức thu phí: Trung tâm Quản lý cửa khẩu trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn.

Điều 3. Mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn tại Phụ lục kèm theo.

Điều 4. Quản lý và sử dụng phí

1. Quản lý phí

Tổ chức thu phí được để lại 10% (mười phần trăm) trong tổng số tiền phí thu được, số còn lại 90% (chín mươi phần trăm) nộp vào ngân sách nhà nước và được điều tiết 100% cho ngân sách tỉnh.

2. Sử dụng phí để lại cho tổ chức thu phí

Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí để trang trải chi phí hoạt động thu phí gồm các nội dung:

a) Chi thường xuyên theo cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP;

b) Chi nhiệm vụ không thường xuyên: chi mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác thu phí; chi đảm bảo các hoạt động tại cửa khẩu, chi sửa chữa, duy trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng trong khu vực cửa khẩu và các nhiệm vụ khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2025.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về mức thu, cơ quan tổ chức thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XVII, Kỳ họp thứ ba mươi sáu thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra và QL XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Công báo Lạng Sơn, Báo và Đài PTTH tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hậu

PHỤ LỤC

Mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn
(Kèm theo Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	Phương tiện chịu phí	Mức thu phí (đồng/xe/lần ra, vào)
I	Phương tiện vận tải chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (bao gồm phương tiện vận tải chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và phương tiện vận tải chở các mặt hàng tạm nhập nguyên liệu để gia công cho đối tác nước ngoài, xuất sản phẩm gia công cho đối tác nước ngoài, nhập nguyên liệu để sản xuất xuất khẩu, xuất sản phẩm sản xuất xuất khẩu trong và ngoài khu vực cửa khẩu; hàng tạm nhập tham gia Hội chợ, triển lãm, tạm nhập tái xuất để sửa chữa)	
1	Xe ô tô có trọng tải dưới 02 tấn, xe ba bánh và các loại xe tương tự chở hàng hóa xuất khẩu là rau, củ tươi các loại.	100.000
2	Xe ô tô có trọng tải dưới 02 tấn, xe ba bánh và các loại xe tương tự chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (không thuộc đối tượng 1 nêu trên).	150.000
3	Xe ô tô có trọng tải từ 02 tấn đến dưới 04 tấn	200.000
4	Xe ô tô có trọng tải từ 04 tấn đến dưới 10 tấn	300.000
5	Xe ô tô có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20ft	500.000
6	Xe ô tô có trọng tải từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40ft	800.000
7	Xe ô tô chở quặng xuất khẩu	Nhân hệ số 5 đối với các mức phí trên
8	Xe ô tô chở quặng xuất khẩu theo sự cho phép của Bộ Công thương tại Công văn số 748/BCT-CNNg ngày 24/01/2014 về việc xuất khẩu tinh quặng Bauxit tồn kho tại Lạng Sơn	Nhân hệ số 2 đối với các mức phí trên
II	Phương tiện vận tải chở hàng hóa kinh doanh theo loại hình tạm nhập tái xuất, hàng hóa tạm xuất tái nhập, hàng hóa chuyển khẩu, hàng hóa của nước ngoài gửi kho ngoại quan xuất khẩu, hàng hóa quá cảnh, hàng hóa chuyển cảng, hàng hóa có nguồn gốc nước thứ ba	

STT	Phương tiện chịu phí	Mức thu phí (đồng/xe/lần ra, vào)
A	Phương tiện vận tải chở hàng hoá là hoa quả, nông sản	
1	Xe ô tô có trọng tải dưới 04 tấn	800.000
2	Xe ô tô có trọng tải từ 04 tấn đến dưới 10 tấn	1.600.000
3	Xe ô tô có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20ft	2.800.000
4	Xe ô tô có trọng tải từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40ft	4.000.000
B	Phương tiện vận tải chở hàng hóa là hoa quả, nông sản có nguồn gốc, xuất xứ từ nước hoặc vùng lãnh thổ thứ ba xuất, nhập khẩu qua biên giới	
1	Xe ô tô có trọng tải dưới 04 tấn	400.000
2	Xe ô tô có trọng tải từ 04 tấn đến dưới 10 tấn	800.000
3	Xe ô tô có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20ft	1.400.000
4	Xe ô tô có trọng tải từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40ft	2.000.000
C	Phương tiện vận tải chở các mặt hàng còn lại	
1	Xe ô tô có trọng tải dưới 04 tấn	1.000.000
2	Xe ô tô có trọng tải từ 04 tấn đến dưới 10 tấn	2.000.000
3	Xe ô tô có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20ft	3.500.000
4	Xe ô tô có trọng tải từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40ft	5.000.000
III	Phương tiện vận tải chở hàng hóa sang tải tại bến bãi không đi vào nội địa: thu bằng 30% các mức thu quy định tại Mục I, II hoặc thu bằng 30% mức thu của phương tiện vận tải chưa sang tải hàng hóa (trừ Khoản 7, Khoản 8 Mục I) nêu trên.	
IV	Phương tiện vận tải chở hàng hóa nhập khẩu sử dụng hạ tầng cửa khẩu đi vào nội địa giao hàng: thu bằng 130% các mức thu quy định tại Mục I, II hoặc thu bằng 130% mức thu của phương tiện vận tải chưa sang tải hàng hóa (trừ khoản 7, khoản 8 Mục I) nêu trên.	

STT	Phương tiện chịu phí	Mức thu phí (đồng/xe/lần ra, vào)
V	Trường hợp trên cùng một phương tiện vận tải có nhiều loại hình hàng hóa khác nhau ghép chung trong một container, khi làm thủ tục chuyển khẩu, căn cứ tờ khai theo quy định hiện hành, loại hình nào có trị giá khai báo hải quan đối với hàng hóa cao hơn thì áp dụng mức thu phí theo loại hình đó.	
VI	Phương tiện vận tải chở hàng hóa kinh doanh theo loại hình tạm nhập tái xuất, hàng hóa chuyển khẩu, hàng hóa quá cảnh, hàng hóa qua kho ngoại quan đã nộp phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu vào ngân sách nhà nước tỉnh Lạng Sơn nhưng không xuất được hàng hóa qua các cửa khẩu, điểm thông quan, điểm kiểm tra hàng hóa xuất khẩu tại điểm thu phí phải chuyển địa điểm xuất thực hiện như sau:	
1	Các điểm xuất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn: Không phải nộp phí bổ sung.	
2	Các điểm xuất ngoài địa bàn tỉnh Lạng Sơn: Không thực hiện hoàn trả phí đã nộp.	